TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HN-ST
Ngày: 28/02/2023
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích Vân

2. Ông Nguyễn Văn Trãi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2023/QĐHPT-HN ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973 (có mặt)

Thường trú: KV T, p. P, quận ô Môn, Tp Cần Thơ

- Bị đơn: ông **Trần Văn M**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Thường trú: KV T, p. P, quận ô Môn, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Giữa bà và ông Trần Văn M tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Thới, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2014, ông bà phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Méo không chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, ông Méo thường xuyên uống rượu say xỉn, nhiều lần

đánh bà, mặc dù nhiều lần bà báo với chính quyền địa phương nhưng ông Méo vẫn không thay đổi. Gần đây, ông Méo có người phụ nữ khác, nhiều lần dẫn về nhà sống chung như vợ chồng. Hiện vợ chồng không còn sống cùng nhau khoảng 8 đến 9 năm nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên hiện tại ông bà không còn sống chung với nhau. Bà không còn tình cảm với ông Trần Văn M nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn M.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà và ông Trần Văn M có 02 con chung tên Trần Tuấn A, sinh năm 1989 và Trần Hoàng Đ, sinh năm 1994. Hiện 02 con đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Văn M:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc được ly hôn với ông Trần Văn M, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Méo không còn quan tâm đến vợ, con, thường xuyên đe doạ đánh bà, từ khi vợ chồng không sống cùng nhau từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai, tự mỗi bên làm kiếm thu nhập để sinh sống. Đồng thời đề nghị xử lý ông Méo về hành vi đe doạ, hành hung bà. Về nợ chung là không có, về tài sản chung sẽ tự thoả thuận giải quyết. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn M vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn M. Giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Trần Văn M tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Trần Văn M vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 17; Điều 19; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*" nhưng theo lời trình bày của bà Tốt thì từ khi vợ chồng không sống chung tới nay, ông Trần Văn M không đến thăm hỏi, hay có ý muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhiều lần hành hung bà, cũng như có mối quan hệ không chung thuỷ với người phụ nữ khác. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Văn M nhằm hòa giải, tạo điều kiện để ông bà hàn gắn tình cảm với nhau nhưng ông Trần Văn M vẫn vắng mặt không lý do, thể hiện ông không thật sự muốn hàn gắn tình cảm với bà Tốt, không quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng.

Xét trên thực tế bà Tốt và ông Trần Văn M đã sống ly thân, từ lâu không còn sự quan tâm, thăm hỏi với nhau, cho thấy vợ chồng có sự bỏ mặt nhau, muốn sống ra sao thì sống, mặc dù vợ chồng có thời gian dài ly thân nhưng vẫn không thể tiếp tục đời sống hôn nhân. Nhận thấy, tình trạng vợ chồng giữa bà Nhi và ông Trần Văn M đã rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục cũng không mang lại hạnh phúc cho bà Nhi và ông Trần Văn M. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Đối với việc bà Tốt trình bày khi thực hiện thủ tục ly hôn, ông Méo vẫn có nhưng đe doạ, hành hung đối với bà, Hội đồng xét xử nhận thấy để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình, bà Tốt có thể liên hệ với chính quyền địa phương, cơ quan tổ chức bảo vệ quyền lợi phụ nữ tại địa phương để được hỗ trợ, giải quyết theo quy định pháp luật.

[3.2] Về con chung:

Ông bà có 02 con chung là Trần Tuấn A, sinh năm 1989 và Trần Hoàng Đ, sinh ngày 26/6/1994. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do vụ án xét xử vắng mặt bị đơn nên chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc có tài sản chung nhưng sẽ tự thoả thuận và không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn M.

- *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị T cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về tài sản chung:* Tự thoả thuận giải quyết

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003740 ngày 14/12/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND phường Phước Thới, Ô Môn;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thanh Thái